

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Quang Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Hoàng T** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ x, Ấp y, xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Chị **Phan Thị L** – sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ x, Ấp y, xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện Tân Phú. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên xảy ra cự cãi, phía chị L thường xuyên chửi bới chồng con, ghen tuông vô cớ, nhiều lần dọa tự tử. Anh nhiều lần khuyên can nhưng chị L không thay đổi nên đã không còn chung sống từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn đối với chị.

- Về nuôi con: Anh T và chị L có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Hoàng Th – sinh ngày 28/11/2011, Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 08/4/2007, Nguyễn Thị Ánh Ng – sinh ngày 20/11/2005. Anh đồng ý giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng

các con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 1.500.000đ/tháng/cháu, tổng cộng là 4.500.000đ/tháng/03 cháu.

- Về tài sản: Anh T trình bày anh và chị L tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Phan Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau, anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Anh yêu cầu ly hôn thì chị vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con: Chị L và anh T có 03 (Ba) con chung là Nguyễn Hoàng Th – sinh ngày 28/11/2011, Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 08/4/2007, Nguyễn Thị Ánh Ng – sinh ngày 20/11/2005. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, trường hợp anh tự nguyện cấp dưỡng thì chị cũng đồng ý.

- Về tài sản: Chị L trình bày chị và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Về hôn nhân: Cho anh T được ly hôn với chị L. Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi các con chung, ghi nhận anh T cấp dưỡng cho con số tiền 1.500.000đ/tháng/cháu, tổng cộng là 4.500.000đ/tháng/03 cháu. Về tài sản: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn chị Phan Thị L có nơi cư trú tại xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Hoàng T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị L, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự anh T là nguyên đơn và chị L là bị đơn, theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.L, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 21/6/2005. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống nên xảy ra cự cãi, sau đó anh chị đã không còn chung sống từ tháng 7/2020. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành giải thích quy định của pháp luật, vận động, hòa giải nhưng anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị L cho rằng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn nhưng chị không đưa ra được những cơ sở, cách thức để các bên có thể đoàn tụ; nên hòa giải đoàn tụ không thành. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, các đương sự đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Anh T và chị L thỏa thuận trường hợp ly hôn thì giao cho chị trực tiếp nuôi các con chung Nguyễn Hoàng Th – sinh ngày 28/11/2011, Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 08/4/2007, Nguyễn Thị Ánh Ng – sinh ngày 20/11/2005, anh tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 1.500.000đ/tháng/cháu, tổng cộng là 4.500.000đ/tháng/03 cháu. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận về nuôi con chung, cấp dưỡng cho con của các đương sự có cơ sở để ghi nhận.

- Về tài sản: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về yêu cầu khởi kiện:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T.

- Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Hoàng T được ly hôn với chị Phan Thị L.

- Về nuôi con: Giao cho chị Phan Thị L trực tiếp nuôi các con chung Nguyễn Hoàng Th – sinh ngày 28/11/2011, Nguyễn Thị Ngọc H – sinh ngày 08/4/2007 và Nguyễn Thị Ánh Ng – sinh ngày 20/11/2005, anh Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng cho con số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu, tổng cộng là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/03 cháu cho đến khi các con thành niên và có đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2021.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Anh Nguyễn Hoàng T và chị Phan Thị L trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**2. Về án phí:** Anh Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí không có giá ngạch đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004035 ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí. Anh Nguyễn Hoàng T còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

**3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).**

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
  - Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
  - Các đương sự (để thi hành);
  - UBND xã P.L (Số 10, ngày 21/6/2005)
- để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Tùng**